

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-9-2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nguyễn.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

+ Bà Đỗ Thị Thúy Diễm.

+ Ông Bùi Văn Mưa Lớn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Đình Thị Huyền Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Đỗ Thị Thanh N** - Sinh năm: 1979; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông **Vũ Quý D** - Sinh năm: 1976; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà **Đỗ Thị Thanh N** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Vũ Quý D** tổ chức lễ cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 01/8/2003 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn

toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà và ông D chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc nữa mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Bà N cho rằng hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông D, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

*Về con chung:* Bà N yêu cầu nuôi người con chung chưa thành niên giữa bà với ông D là Vũ Anh L - Sinh ngày 05/11/2008 (hiện đang sống chung với bà N). Riêng người con lớn là Vũ Anh K - Sinh ngày 07/5/2003 đã thành niên nên bà N không có yêu cầu gì liên quan đến người con này.

*Về tài sản chung:* Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà N trình bày là không có.

*Bị đơn là ông Vũ Quý D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án.*

***Tại phiên tòa:***

Bà Đỗ Thị Thanh N, ông Vũ Quý D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ vào các điều 21, 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị Thanh N được ly hôn với ông Vũ Quý D.

(2) *Về con chung:* Giao cho bà Đỗ Thị Thanh N được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa bà với ông Vũ Quý D là: Vũ Anh L - Sinh ngày 05/11/2008 (hiện đang sống chung với bà N), ông Vũ Quý D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu; riêng người con lớn giữa bà N và ông D là Vũ Anh K - Sinh ngày 07/5/2003 đã thành niên, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

(3) *Về tài sản chung, về nợ chung:* Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Đỗ Thị Thanh N có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Vũ Quý D có địa chỉ tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[2] Ông Vũ Quý D vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 15/7/2024, ngày 24/7/2024 đồng thời bà N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bà N, ông D theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Bà N, ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào năm 2003, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của bà N, biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được bà N và ông D có phát sinh mâu thuẫn, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông D không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông D theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

[4.1] Bà N yêu cầu nuôi người con chung giữa bà với ông D là: Vũ Anh L - Sinh ngày 05/11/2008, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu về việc nuôi con, trong khi đó cháu L đang sống chung với bà N và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà N nên giao cho bà N tiếp tục nuôi người con chung này theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.2] Riêng người con lớn giữa bà N với ông D là Vũ Anh K - Sinh ngày 07/5/2003 đã thành niên, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài

sản chung và trình bày là không có nợ; ông D vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thanh N, cụ thể:

*1/ Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị Thanh N được ly hôn với ông Vũ Quý D.

*2/ Về con chung:*

Bà Đỗ Thị Thanh N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa bà với ông Vũ Quý D là: Vũ Anh L - Sinh ngày 05/11/2008 (hiện đang sống chung với bà N) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi. Ông Vũ Quý D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Ông Vũ Quý D có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà N có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D.

Vì lợi ích của con chung, bà N, ông D hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung:* Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

*4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Đỗ Thị Thanh N phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004745 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị Thanh N, ông Vũ Quý D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã Thành An;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Nguyên**